

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 622/2022/DS-PT  
Ngày: 27/9/2022  
V/v: Tranh chấp thừa kế, hủy  
hợp đồng chuyển nhượng  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy

*Các Thẩm phán:*

1/ Bà Lê Thị Mỹ Nhung

2/ Bà Huỳnh Thị Như Hà

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Thư  
ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ  
Thị Vân - Kiểm Sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố H đã xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2022/DS-PT ngày 05 tháng 9 năm  
2022 về việc “Tranh chấp thừa kế, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng  
đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022  
của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4947 /2022/QĐ-PT ngày  
8 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1968. Địa chỉ: C1/4, ấp B, xã A,  
huyện C, Thành phố H.

*Đồng bị đơn:*

1/ Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1945

2/ Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: C6/1, ấp B, xã A, huyện C, huyện C, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị L:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tầng 24, Tòa L, Vin, số 2 đường T, phường N, Quận M, Thành phố H (theo giấy ủy quyền số công chứng 009314, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/10/2020 lập tại Văn phòng Công chứng B).

3/ Ông **Phạm Hữu Th**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 12/1, đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Hữu Th:* Ông Vũ Đức D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tầng 24 Tòa L, Vin, số 2 đường T, phường N, Quận M, Thành phố H (theo giấy ủy quyền số công chứng 003502, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/9/2020 lập tại Văn phòng Công chứng T).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Phòng Công chứng B**. Địa chỉ trụ sở: Số 25/5, đường Hoàng V, Phường B, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh C – Trưởng Văn phòng

Người đại diện theo ủy quyền của Phòng Công chứng B: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984 (theo Giấy ủy quyền số 264/UQ-CC4 ngày 28/7/2020).

Địa chỉ: Số 25/5, đường Hoàng V, Phường B, quận B, Thành phố H

2/ **Văn phòng Công chứng T**. Địa chỉ trụ sở: Số 164, đường X, Phường M, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T – Trưởng Văn phòng

Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Công chứng T: Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1988 (theo Giấy ủy quyền số 66/CCBT-UQ ngày 21/9/2022).

Địa chỉ: Số 164, đường X, Phường M, quận T, Thành phố H

3/ **Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H**

Địa chỉ: Số 63, đường L, phường N, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H: Ông Huỳnh Văn C - Chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Địa chỉ: Số 349, đường T, thị trấn T, huyện C, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 2903/UQ-STNMT-VPĐK ngày 18/4/2022)

4/ Ông **Đỗ Đắc Đ**, sinh năm 1979

5/ Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tr**, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Nhà không số, tổ 6, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố H.

6/ Ông **Phạm Văn Ph**, sinh năm 1979. Địa chỉ: B1/3, ấp H, xã A, huyện C, Thành phố H.

*Người làm chứng:*

1/ Ông **Lê Huy H**, sinh năm 1989. Địa chỉ: B6/175/1, ấp H, xã Đ, huyện C, Thành phố H.

2/ Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1965. Địa chỉ: D5/12, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố H.

3/ Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1965. Địa chỉ: E1/18, ấp 5, xã A, huyện C, Thành phố H.

Các ông/bà Phan Văn C, Vũ Đức D, Đỗ Đắc Đ, Nguyễn Thị Mỹ Tr có mặt tại phiên toà

Người đại diện cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng gồm các ông/bà: Nguyễn Minh T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Anh Đ, Phạm Văn Ph, Phan Thị N, Lê Huy H, Phạm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người kháng cáo:*

1/ Ông Đỗ Đắc Đ

2/ Ông Phạm Hữu Th

Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/6/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phan Văn C trình bày:*

Di ruột tôi bà Phạm Thị R sống độc thân, không có chồng con, bà sống cùng với hai người em ruột là bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị B. Bà R có phần tài sản là quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bà Phạm Thị R có diện tích  $7.317m^2$  thuộc các thửa 111 ( $3.145m^2$ ); 112 ( $820m^2$ ), 113 ( $788m^2$ ) và 115 ( $2.564m^2$ ) tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã A, huyện C.

Do không có chồng con nên bao năm qua tôi là đứa cháu luôn hỗ trợ chăm sóc bà bất kỳ lúc nào bà cần, lúc đau bệnh và các sinh hoạt trong đời sống thường ngày, nên bà rất tin tưởng và giao cho tôi toàn quyền quyết định mọi việc liên quan đến cuộc sống của bà.

Ngày 19/6/2018 bà Phạm Thị R có để lại di chúc cho tôi được quyền hưởng di sản thừa kế của bà là  $2.439m^2$  thuộc các thửa 111, 112, 113 và 115 tờ bản đồ số 9. Phần tài sản này là nằm trong phần đất cấp cho hộ gia đình bà Phạm Thị R (bao gồm bà Phạm Thị R, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị B).

Cuối năm 2018 bà R chết, tôi là người đứng ra lo liệu mọi chuyện tang lễ cho bà. Do thời điểm bà R mới chết nên tôi chưa công khai di chúc. Tuy nhiên gần đây bà L, bà B lại có ý định cho phần đất này cho người khác. Tôi đã thông báo cho bà L, bà B về nội dung di chúc nhưng bà L, bà B không đồng ý. Do vậy tôi nộp đơn khởi kiện bà L, bà B về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do đó tôi yêu cầu

1. Yêu cầu hủy các văn bản khai nhận di sản thừa kế lập tại Phòng Công chứng b, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B và ông Phạm Hữu Th lập tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh đối với phần đất có diện tích  $7.317m^2$  thuộc các thửa 111 ( $3.145m^2$ ); 112 ( $820m^2$ ), 113 ( $788m^2$ ) và 115 ( $2.564m^2$ ) tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã A, huyện C.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CS 569547 số vào sổ CS 08005 cấp ngày 18/11/2019 với diện tích  $2.564m^2$  thuộc thửa 613 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 115 tờ bản đồ số 9) (cấp đổi từ phần còn lại của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 07885 ngày 30/8/2019).

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CO 721876 số vào sổ CS 07886 cấp ngày 30/8/2019 với diện tích  $820m^2$  thuộc thửa 609 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 112 tờ bản đồ số 9).

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CO 721875 số vào sổ CS 07887 cấp ngày 30/8/2019 với diện tích  $788m^2$  thuộc thửa 608 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 113 tờ bản đồ số 9).

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CS 569548 số vào sổ CS 08004 cấp ngày 18/11/2019 với diện

tích 3.145m<sup>2</sup> thuộc thửa 612 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 111 tờ bản đồ số 9) (cấp đổi từ phần còn lại của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 07885 ngày 30/8/2019).

*Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Hữu Th là ông Vũ Đức D trình bày:*

Ông Phạm Hữu Th không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C

Đối yêu cầu hủy thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì đây là vụ việc của bà L, bà B, không liên quan gì đến ông Th.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng phần đất có diện tích 7.317m<sup>2</sup> thuộc các thửa 111 (3.145m<sup>2</sup>); 112 (820m<sup>2</sup>), 113 (788m<sup>2</sup>) và 115 (2.564m<sup>2</sup>) tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã A, huyện C với giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) giữa ông Th và bà B được lập tại Văn phòng Công chứng T, thì khi nhận chuyển nhượng ông Th đã giao đủ tiền cho bà B. Việc nhận chuyển nhượng là ngay tình và hiện nay ông Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy việc chuyển nhượng của ông Th là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hiện nay ông Phạm Hữu Th đã được cấp các giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CS 569547 số vào sổ CS 08005 cấp ngày 18/11/2019 với diện tích 2.564m<sup>2</sup> thuộc thửa 613 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 115 tờ bản đồ số 9) (cấp đổi từ phần còn lại của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 07885 ngày 30/8/2019).

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CO 721876 số vào sổ CS 07886 cấp ngày 30/8/2019 với diện tích 820m<sup>2</sup> thuộc thửa 609 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 112 tờ bản đồ số 9).

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CO 721875 số vào sổ CS 07887 cấp ngày 30/8/2019 với diện tích 788m<sup>2</sup> thuộc thửa 608 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 113 tờ bản đồ số 9).

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CS 569548 số vào sổ CS 08004 cấp ngày 18/11/2019 với diện tích 3.145m<sup>2</sup> thuộc thửa 612 tờ bản đồ số 35 (trộn thửa 111 tờ bản đồ số 9) (cấp đổi từ phần còn lại của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 07885 ngày 30/8/2019).

Tất cả các giấy này đều được cấp theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại tòa bị đơn là bà Phạm Thị B trình bày:*

Nguồn gốc phần đất có diện tích 7.317m<sup>2</sup> thuộc các thửa 111 (3.145m<sup>2</sup>); 112 (820m<sup>2</sup>), 113 (788m<sup>2</sup>) và 115 (2.564m<sup>2</sup>) tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã A, huyện C. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 870118, số vào sổ CH00761 cấp cho hộ bà Phạm Thị R), có nguồn gốc từ hộ bà Phạm Thị R (gồm 03 nhân khẩu Phạm Thị R, Phạm Thị L và Phạm Thị B) nhận chuyển nhượng mà có.

Vào ngày 10/10/2018 bà Phạm Thị R chết (bà R không có chồng con) nên chúng tôi đã làm thủ tục kê khai di sản thừa kế tại Phòng Công chứng b ngày 03/5/2019. Sau khi tiến hành kê khai di sản ở phòng công chứng, đăng ký cập nhật biến động thì đến ngày 31/5/2019 chúng tôi đã bán toàn bộ phần đất trên cho ông Phạm Hữu Th với giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), chúng tôi đã nhận đủ tiền và đã giao đất cho ông Th, tuy nhiên chúng tôi vẫn ở tạm căn nhà C6/1 ,ấp 3, xã A cho đến khi ông Th yêu cầu dời đi thì tôi sẽ bàn giao lại.

Đối với việc ông C trình bày bà R có lập di chúc cho ông C thì tôi hoàn toàn không biết và không đồng ý với nội dung di chúc vì tại thời điểm đó bà R đã lớn tuổi (87 tuổi) nên không thể minh mẫn sáng suốt để lập di chúc trên đồng thời tôi cũng không nghe bà R thông báo cho chúng tôi về nội dung di chúc trên và không hiểu tại sao lại có di chúc đó. Tôi đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên cho ông Th và tôi cũng không tranh chấp gì với ông Th về việc chuyển nhượng phần đất trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Tr trình bày:*

Chúng tôi có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Hữu Th các quyền sử dụng đất như sau: Ngày 20/02/2020 chúng tôi có ký hợp đồng đặt cọc với ông Phạm Hữu Th để nhận chuyển nhượng thửa 612 tờ bản đồ số 35 với giá chuyển nhượng là 5.200.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tôi đã đặt cọc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), sau đó thanh toán thêm 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), sau đó ông Th yêu cầu tôi trả thêm 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) là số tiền lãi cho hợp đồng này. Ngày 08/6/2020 chúng tôi có ký hợp đồng đặt cọc với ông Phạm Hữu Th để nhận chuyển nhượng thửa 608-609 tờ bản đồ số 35 với giá chuyển nhượng là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng). Tôi đã thanh toán hết số tiền trên. Ngày 08/6/2020 chúng tôi có ký hợp đồng đặt cọc với ông Phạm Hữu Th để nhận chuyển nhượng thửa 613 tờ bản đồ số 35 với giá chuyển nhượng là 4.500.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng). Tôi đã thanh toán hết số tiền trên. Tổng cộng số tiền mà tôi đã trả cho ông Phạm Hữu Th là 21.600.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ sáu trăm triệu đồng). Hợp đồng được ký kết tại Phòng Công chứng b. Nay tôi không có tranh chấp gì trong vụ án giữa ông Phan Văn C và bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B, ông Phạm Hữu Th. Nếu có phát sinh tranh chấp thì tôi nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác. Chúng tôi cũng trình bày là chúng tôi không được ông Phạm Hữu Th thông báo về tình trạng là đất đang tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Ph trình bày:*

Trước đây tôi có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.564m<sup>2</sup> thuộc thửa 115 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã A huyện C của ông Phạm Văn C, tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì có sự đồng ý của các bà Phạm Thị R, Phạm Thị B, Phạm Thị L. Tôi đã đặt cọc 5.000.000.000 đồng, tuy nhiên do bà R, L, B đã lớn tuổi nên tôi đã yêu cầu ông C là người đứng ra nhận cọc. Tôi xác định là tôi không có tranh chấp gì trong vụ việc này, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì tôi sẽ đơn khởi kiện sau.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng b có bà Nguyễn Thị Thu Hiền đại diện trình bày:*

Phòng Công chứng b thực hiện chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 013686 ngày 03/5/2019 theo yêu cầu công chứng của bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B. Việc chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/5/2019 đã được công chứng viên thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H là đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Phòng Công chứng b không có ý kiến gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng T có bà Trương Lý Tình đại diện trình bày:*

Qua kiểm tra hồ sơ công chứng thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng Công chứng T công chứng số 15201 ngày 31/5/2019 đối với thửa 111,112,113,115 tờ bản đồ số 9 tại xã A, huyện C dựa trên hồ sơ pháp lý và giấy tờ do đương sự cung cấp. Chúng tôi đã làm theo yêu cầu của đương sự và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc tranh chấp của các đương sự đề nghị các bên tự giải quyết và tuân theo phán quyết của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn là ông Phan Văn C đối với bị đơn là bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B, ông Phạm Hữu Th.

Ông Phan Văn C được quyền hưởng di sản thừa kế mà bà Phạm Thị R để lại là quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.439 m<sup>2</sup> bao gồm 2.235,57m<sup>2</sup> thuộc thửa 613 tờ bản đồ số 35 và phần đường đi có diện tích là 203,73m<sup>2</sup> thuộc thửa 612 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại xã A, huyện C (Bản vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H xác lập ngày 26/3/2019).

Bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B có trách nhiệm giao cho ông Phan Văn C phần đất diện tích 2.439m<sup>2</sup> thuộc các thửa 115,113 tờ bản đồ số 9 (hiện tại là thửa 613, 612 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại xã A, huyện C).

Ông Phan Văn C được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước.

2. Bà Phạm Thị L, Phạm Thị B có trách nhiệm giao cho ông Phan Văn C số tiền 159.180.230 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn hai trăm ba mươi đồng) là kỷ phần thừa kế đối với giá trị tài sản của bà Phạm Thị R để lại.

3. Tuyên xử Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/5/2019 giữa bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B với ông Phạm Hữu Th là vô hiệu.

4. Hủy cấp nhật biến động quyền sử dụng đất đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 870118, sổ vào sổ CH00761 cấp cho hộ bà Phạm Thị R tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C cấp nhật biến động quyền sử dụng đất vào ngày 24/5/2019.

5. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CS 569547 sổ vào sổ CS 08005 cấp ngày 18/11/2019.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CS 569548 sổ vào sổ CS 08004 cấp ngày 18/11/2019.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CO 721875 sổ vào sổ CS 07887 cấp ngày 30/8/2019.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CO 721876 sổ vào sổ CS 07886 cấp ngày 30/8/2019.

Các ông bà Phan Văn C, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B, ông Phạm Hữu Th chấp hành chính sách pháp luật của nhà nước theo quy định pháp luật đất đai, xây dựng.

6. Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B và ông Phạm Hữu Th; ông Phạm Hữu Th và ông Đỗ Đắc Đ, bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, ông Phạm Văn Ph nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.



Ngày 15 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn ông Phạm Hữu Th có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 do cấp sơ thẩm chưa đánh giá một cách toàn diện khách quan các chứng cứ liên quan đến vụ án, không dựa vào căn cứ pháp lý và chứng cứ cụ thể nào mà nhận định chủ quan chưa thỏa đáng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nên yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/3/2022, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ có đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DS-ST ngày 13/6/2022, do Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng khi tuyên bản án vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự, không đưa những người đang sinh sống trong căn nhà trên phần đất đang tranh chấp vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa sơ thẩm không trưng cầu giám định bản di chúc để đối chiếu so sánh xác thực dấu vân tay trong tầng thư lưu trữ 4 của cơ quan công an nơi cấp giấy chứng minh nhân dân và dấu vân tay của người để lại di chúc là vi phạm Điều 93, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, không xác minh đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng mà chỉ dựa vào lời khai của người làm chứng để xác định di chúc hợp pháp là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 28/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C với lý do: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ đã cung cấp thông tin trên diện tích đất các đương sự tranh chấp chia thừa kế có căn nhà C6/1 ấp 3, xã A, huyện C, Thành phố H, sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Th, ông Đ trực tiếp quản lý nhà và ông Đ đã cho 03 người là bà Nguyễn Thị Hiền, ông Đỗ Văn Trung và bà Đỗ Thị Long thuê căn nhà trên để ở. Ngày 17/6/2022 ông Đ đã giao nộp cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C 02 bản sao y Hợp đồng công chứng số 005051 và 005052 có nội dung ông Phạm Hữu Th và ông Đỗ Đắc Đ cùng chuyển nhượng 02 thửa đất số 608, 609 (tương ứng với các thửa 113 và 112 tờ bản đồ số 09) tờ bản đồ số 35, xã A huyện C cho ông Trương Quang Cảnh. Tại Công văn số 2598/UBND, Ủy ban nhân dân xã A trả lời công văn số 862/VKS ngày 14/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C thể hiện: “Các thửa 111,112,113,115 tờ bản đồ số 9 (Tài liệu 02/CT-UB) trên đất có căn nhà C6/1 ấp 3, xã A, huyện C hiện nay có 08 nhân khẩu đang cư trú gồm ông (bà) Đoàn Văn Khang; Đoàn Thị Hương, Đoàn Hồng Nhiên, Đoàn Cu Tin, Đoàn Hùng Hậu, Nguyễn Văn Dương, Trần Thị Mầu, Trần Văn Điền”.

Tòa án không xác minh đưa những người nêu trên vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Hữu Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Do cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chấp nhận quyết định kháng nghị nêu trên, hủy án sơ thẩm giao lại cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS ngày 28/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C và kháng cáo của ông Phạm Hữu Th, ông Đỗ Đắc Đ.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ông Phạm Hữu Th, ông Đỗ Đắc Đ còn trong thời hạn kháng cáo theo qui định tại Điều 273 và Điều 276 Luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ. Quyết định kháng nghị còn trong thời hạn luật định và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét thấy các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.3] Quan hệ pháp luật, tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chưa chính xác có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Căn cứ vào Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 12/6/2020 của nguyên đơn ông Phạm Văn Cư có nội dung: “...trước đây, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết yêu cầu bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị L thực hiện đúng như di chúc của bà Phạm Thị R, tôi yêu cầu được hưởng di sản thừa kế mà bà R để lại cho tôi là phần đất có diện tích 2.439m<sup>2</sup> thuộc các thửa 111,112,113, 115 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã A, huyện C.

Nay, tôi làm đơn này xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình yêu cầu Tòa án giải quyết đối với người bị kiện như sau:

1. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 103686, quyển số 05TP/CC- SCC/HĐGD của Phòng Công chứng b công chứng ngày 03/5/2019 (số biến động 27601.000811.TK.VP)

2. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 15201, của Văn phòng Công chứng T ngày 31/5/2019 giữa hộ bà Phạm Thị L và ông Phạm Hữu Th.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08004 và số CS08005 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho ông Phạm Hữu Th ngày 18/11/2019.”

3. Xét thấy, sau khi thụ lý đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa cấp sơ thẩm không hỏi hoặc giải thích, phân tích hậu quả pháp lý, phạm vi yêu cầu khởi kiện trong việc thay đổi yêu cầu khởi kiện để ông C liên hệ đến quyền và nghĩa vụ của mình từ đó xác định rõ thay đổi toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện hay là bổ sung yêu cầu khởi kiện. Do Tòa cấp sơ thẩm có thiếu sót về việc này dẫn đến việc xác định quan hệ tranh chấp không chính xác, bởi căn cứ theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện thì ông C không còn khởi kiện chia thừa kế, nên việc Tòa cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp chia thừa kế và giải quyết chia thừa kế là vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Còn nếu trường hợp tòa hỏi rõ ông C xác định vẫn giữ nguyên các yêu cầu trong đơn khởi kiện ban đầu, thì nội dung thay đổi yêu cầu này phải được xác định là đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện mới chính xác. Căn cứ vào các đơn khởi kiện, ông C chỉ yêu cầu được hưởng một phần di sản thừa kế thuộc phần di sản của bà R để lại và chỉ yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08004 và số CS08005 nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại hủy toàn bộ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn như nội dung đơn kháng cáo của ông Đỗ Đắc Đ đã trình bày là có căn cứ.

[1.4]. Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng khi không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

Xét, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DS-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C vì đã có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ đã cung cấp thông tin trên phần đất tranh chấp có căn nhà số C6/1 ấp 3, xã A, huyện C, Thành phố H sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Th, ông Đ trực tiếp quản lý nhà và ông Đ đã cho 03 người là bà Nguyễn Thị Hiền, ông Đỗ Trung và bà Đỗ Thị Long thuê căn nhà trên để ở, nhưng tòa cấp sơ thẩm lại không xác minh và đưa những người nêu trên vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, còn phát sinh một số tình tiết mới cụ thể: Ngày 17/6/2022 ông Đ đã giao nộp cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C 02 bản sao y Hợp đồng công chứng số 005051 và 005052 có nội dung ông Phạm Hữu Th và ông Đỗ Đắc Đ cùng chuyển nhượng 02 thửa đất số 608, 609 (tương ứng với các thửa 113 và 112 tờ bản đồ số 09) tờ bản đồ số 35, xã A huyện C cho ông Trương Quang Cảnh. Tại Công văn số 2598/UBND, Ủy ban nhân dân xã A trả lời công văn số 862/VKS ngày 14/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C thể hiện: “Các thửa 111,112,113,115 tờ bản đồ số 9 (Tài liệu 02/CT-UB) trên đất có căn nhà C6/1 ấp 3, xã A, huyện C hiện nay có 08 nhân khẩu đang cư trú gồm ông (bà) Đoàn Văn Khang, Đoàn Thị Hương, Đoàn Hồng Nhiên, Đoàn Cu Tin, Đoàn Hùng Hậu, Nguyễn Văn Dương, Trần Thị Mầu, Trần Văn Điền”. Trên cơ sở này Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân đã đề nghị hủy bản án dân sự nêu trên. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và đơn kháng cáo của ông Đ và ông đề nghị hủy bản án sơ thẩm nêu trên. Xét thấy, nội dung Quyết định kháng nghị và phát biểu đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[2]. Những vi phạm về nội dung:

Do có những vi phạm nghiêm trọng trong quá trình thu thập chứng cứ làm cho việc đánh giá chứng cứ không khách quan còn phiến diện theo quan điểm chủ quan, dẫn đến những sai phạm nghiêm trọng không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và quyết định của bản án không thể thi hành khi không giải quyết triệt để các quan hệ tranh chấp trong cùng vụ án này cụ thể:

[2.1]. Khi đánh giá tính hợp pháp của bản di chúc, các đương sự là bị đơn và những người liên quan không ai thừa nhận bản di chúc trên là hợp pháp. Trong

trường hợp này, lẽ ra Tòa cần phổ biến cho các đương sự có quyền đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ ký, dấu vân tay trong Bản di chúc hoặc Tòa án có thể tự mình ra quyết định trung cầu giám định theo Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bởi việc xác định bản di chúc này có hợp pháp hay không là một trong các chứng cứ vô cùng quan trọng trong việc quyết định giải quyết vụ án trên. Trong vụ án này tòa cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào bản di chúc và lời khai của những người làm chứng để xác định bản di chúc trên là hợp pháp để từ đó chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là chưa đảm bảo tính khách quan.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm còn chưa thu thập làm rõ lý do tại sao bà R đã viết di chúc để lại toàn bộ phần tài sản thuộc sở của bà R cho ông C nhưng bà R lại cùng các chị em của mình chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Phú và chính ông C là người nhận tiền cọc từ ông Phú, ông C có được bà R, bà B, bà L ủy quyền ký hợp đồng đặt cọc này hay không để từ đó xác định bản di chúc có phải được lập do ý chí tự nguyện của bà R hay không?

Lý do tại sao ông C không công khai bản di chúc cho bà L, bà B biết trước khi các bà kê khai phân chia di sản thừa kế và ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Th, để làm căn cứ xác định lỗi của các bên khi giải quyết vụ án.

Từ việc công nhận bản di chúc này dẫn đến việc tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di thừa kế ngày 03/5/2019 vô hiệu và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 31/5/2019 giữa bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B với ông Phạm Hữu Th vô hiệu nên hủy tất cả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân huyện C cấp đã được nêu tại mục [23] trong phần nhận định của bản án sơ thẩm là chưa chính xác, vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, vì như đã phân tích ở trên thì ông C chỉ yêu cầu chia phần thừa kế 2.439m<sup>2</sup> được hưởng tương ứng với phần di sản bà R để lại.

[2.2]. Tòa sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 31/5/2019 giữa bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị B với ông Phạm Hữu Th vô hiệu khi nhận định cho rằng việc các bên ghi giá thấp hơn giá thực tế nhằm trốn tránh nghĩa vụ thuế, nhưng chưa xác minh điều tra làm rõ liệu các đương có nhằm che dấu hợp đồng chuyển nhượng giá cao hơn hay vì lý do nào khác, vì mối quan hệ giữa ông Th và bà B, bà L là quan hệ họ hàng ruột thịt có mối quan hệ lệ thuộc hay không để nhằm làm rõ lý do giá thấp là do mối quan hệ thân thích hay do che giấu giá trị thật?

Trong vụ án này các bên đều xác nhận ông Th đã thanh toán hết tiền cho bà L, bà B, đã nhận nhà đất, đã sang tên cập nhật biến động. Tòa tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng lại không áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không buộc các bên trả lại

cho nhau những gì đã nhận là chưa giải quyết triệt để vụ án, vì đây là tính pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu không phải là hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không thể tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác. Cần phải phân biệt và hiểu đúng rằng khi tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu mà phát sinh vấn đề bồi thường (được hiểu là hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu) thì Tòa án phải giải thích cho đương sự biết hậu quả của yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu họ vẫn không yêu cầu giải quyết chung trong cùng vụ án thì Tòa mới tách ra thành vụ kiện khác.

Xét thấy, sau khi cập nhật biến động sang tên mình, ông Th đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất trên cho người thứ ba ngay tình là ông Đ.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ đều trình bày: Ông là người thứ ba mua ngay tình, không được thông báo về tình trạng pháp lý đất đang tranh chấp, ông đã giao 21.600.000.000 (trên 2/3 số tiền chuyển nhượng) ông Đ đã nhận quản lý sử dụng toàn bộ nhà đất nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp của ông, nhưng Tòa cấp sơ thẩm không giải thích phân tích quyền lợi của ông Đ theo quy định tại Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự năm 2015 để ông Đ có đơn yêu cầu độc lập và Tòa phải giải quyết quyền lợi của người thứ ba ngay tình trong cùng vụ án này mà lại xác định tại mục 6 trong phần quyết định của bản án sơ thẩm; *“Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L, bà B, ông Th, ông Đ, bà Tr, ông Phú nếu có phát sinh tranh chấp thì nộp đơn khởi kiện ở vụ án khác.”*. Như vậy cho thấy, ngoài việc quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan là ông Đ cũng không được Tòa xem xét giải quyết thì tòa cấp sơ thẩm còn tuyên buộc bà B, bà L giao phần diện tích đất cho ông C trong khi bà L, bà B không còn quyền quản lý sử dụng nhà đất nêu trên dẫn đến việc bản án không thể thi hành được.

[2.3]. Những tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Đ có xuất trình 02 bản sao y Hợp đồng công chứng số 005051 và 005052 có nội dung ông Phạm Hữu Th và ông Đỗ Đắc Đ cùng chuyển nhượng 02 thửa đất số 608, 609 (tương ứng với các thửa 113 và 112 tờ bản đồ số 09) tờ bản đồ số 35, xã A huyện C cho ông Trương Quang Cảnh. Xét thấy, đây là tình tiết mới cần phải được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng các thủ tục tố tụng từ việc xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không đầy đủ, các giao dịch liên quan đến tài sản tranh chấp không được xem xét giải quyết triệt để trong cùng một vụ án, với những vi phạm này Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được. Xét thấy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và đảm bảo hai cấp xét xử cần phải hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo thủ tục dân sự sơ thẩm.

[ 3 ] .Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 38, Khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Phạm Hữu Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Phạm Hữu Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại ông Phạm Hữu Th 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2021/0041379 ngày 23/6/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C lập.

Hoàn lại ông Đỗ Đắc Đ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2021/0041384 ngày 23/6/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C lập.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- Tòa án nhân dân TP. H
- VKSND TP. H;
- TAND huyện C;
- Chi cục huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thủy**